

Bản án số: **335/2020/HS-ST**  
Ngày 01 - 7 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Dung.

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Trương Thị Thìn.

Ông Nguyễn Trung Diễn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 265/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 418/2020/HSST-QĐ ngày 22/6/2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Đức H** (tên gọi khác Hòa Sô), sinh năm 1981, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 158/48/58, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn Đức, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Xuân, sinh năm 1962; bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ Nguyễn Thị Thu Trinh; sinh năm 1983, có 03 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số: 126 ngày 24/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1974, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 189/38A, khu phố 2, phường Trung Dũng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành Đồng, sinh năm 1956 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Xanh, sinh năm 1957; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; chồng: Phạm Văn Hiền, sinh năm 1972, có 02 con sinh năm 1993 và năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 31/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 07 tháng 11 ngày tù và phạt tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. (Ngày 17/01/2012, Trang chấp hành xong bản án).

Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 127 ngày 24/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Bảo Hi**, sinh năm 1982, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 73C, khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hiên, không rõ năm sinh (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Long Bửu, sinh năm 1950 (đã chết); bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ Ngô Hoàng Bảo Trâm, sinh năm 1997, có 02 con sinh năm 2008 và năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/8/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) về tội "Tổ chức đánh bạc", quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. (Đã chấp hành xong bản án vào ngày 02/12/2008).

Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 129 ngày 24/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

4/ Họ và tên: **Quan Ngọc Thiên Ho**, sinh năm 1994, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 71/12, khu phố 1, phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: phụ xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quan Ngọc Thiên Chương, sinh năm 1973 và bà: Bay Thị Thơm, sinh năm 1975; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số: 128 ngày 24/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

5/ Họ và tên: **Lê Thanh Ha** (Tên gọi khác: Tèo), sinh năm 1977 tại tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 21/2C, khu phố 5, phường Hòa Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Ry, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1954; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ: Tạ Tố Như, sinh năm 1982; có 03 con: lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/01/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm và phạt bổ sung số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng), nộp 14.395.000đồng (Mười bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 2, khoản

3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. (Đã chấp hành xong bản án vào tháng 12 năm 2015).

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/ Họ và tên: **Trần Thanh Nh**, sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Dương (có mặt).

Nơi cư trú: 15/3 khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nhi, sinh năm 1963 và bà Phan Thị Tâm, sinh năm 1963 (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ Ngô Thị Kim Vũ, sinh năm 1991, có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7/ Họ và tên: **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1984, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố Hiệp Phước, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: 321, tổ 1, khu phố Long Phước, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh Dũng, sinh năm 1963 và bà Phan Thị Lệ, sinh năm 1957; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ Nguyễn Lâm Thanh Trang, sinh năm 1988, có 02 con sinh năm 2013 và năm 2015.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8/ Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Tu**, sinh năm 1997, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp An Bình, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Thanh, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1977; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9/ Họ và tên: **Trương Thị Ch**, sinh năm 1973, tại tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Bình Lâm, xã Lộc An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Thôi, sinh năm 1929 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bảy, sinh năm 1933; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; chồng Phạm Văn Long, sinh năm 1971; có 03 con: lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

10/ Họ và tên: **Phan Văn D**, sinh năm 1975 tại tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Tám, sinh năm 1949 và bà Đỗ Thị Éc, sinh năm 1954; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ Nguyễn Tuyết Mai, sinh năm 1971, có 02 con sinh năm 1994 và năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

11/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 154/39, khu phố An Hòa, phường Hóa An, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: 9/5B, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Lý, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Phạm Thị Chi, không rõ năm sinh (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng: Lê Nguyên Hưng, sinh năm 1972 (đã ly hôn); có 02 con sinh năm 1993 và năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

12/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1977, tại tỉnh Bình Dương (có mặt).

Nơi cư trú: số 769/1A, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: 20/1K, khu phố Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hạnh, sinh năm 1947 và bà Bùi Thị Hai, sinh năm 1949; gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; chồng: Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1978 (đã ly hôn). Có 02 con sinh năm 2002 và năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

13/ Họ và tên: **Lê Thị Như Tu**, sinh năm 1963 tại tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Sốt, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kiêm, sinh năm 1932 (đã chết); gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; chồng

Nguyễn Văn Cứng, sinh năm 1961 (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 1983 và năm 1993.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 25/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm và phạt tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. (đã chấp hành xong Bản án ngày 24/02/2016).

- Ngày 09/12/2019, bị Công an huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai ra quyết định khởi tố bị can về tội “Đánh bạc” và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 132 ngày 24/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

14/ Họ và tên: **Lê Thị V**, sinh năm 1971 tại tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: ấp An Bình, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn Phước (không rõ năm sinh) và bà Lê Thị Hoa, sinh năm 1948; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng Phạm Thanh Long, sinh năm 1967, có 02 con sinh năm 1990 và năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/01/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù và phạt tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (đã chấp hành xong bản án).

- Ngày 28/4/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 13/HSST ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 12 tháng tù. (đã chấp hành xong bản án).

- Ngày 28/02/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. (đã chấp hành xong bản án).

Bị bắt tạm giữ ngày 21/01/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 131 ngày 24/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

15/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Hoa**, sinh năm 1981, tại tỉnh Quảng Bình (có mặt).

Nơi cư trú: Khu Trung Tâm, ấp An Viễn, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hào, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Hồ Thị Bông, sinh năm 1938; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu trong



gia đình; chồng Nguyễn Bá Kỳ, sinh năm 1978 (đã ly hôn) ; có 04 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 19/3/2019, bị Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

16/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1972 tại thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Nơi cư trú: Khu C, ấp An Viễn, xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nữa, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Phan Thị Nguyệt, không rõ năm sinh (đã chết); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chồng Trần Quang Triệu, sinh năm 1971, có 02 con sinh năm 1994 và năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

17/ Họ và tên: **Nguyễn Đức M**(tên gọi khác: Bảy), sinh năm 1970, tại tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 77/24, khu phố 2, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nghĩa, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Võ Thị Lừng, sinh năm 1938 (đã chết); gia đình có 10 anh em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; vợ Nguyễn Phương Trinh, sinh năm 1971 (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 2001 và năm 2009.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 31/12/2019, bị Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng nhà riêng để chứa bạc.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 20/01/2020. Ngày 24/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Lê Thị Thu Th**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2/ Ông **Bùi Quang Mi**, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 158/48/14/37, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Bùi Quang Mi và bà Lê Thị Thu Th là chủ sở hữu căn nhà số 158/48/94, khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố B. Tuy nhiên, do ông Minh và bà Thảo không có nhu cầu sử dụng nhà nên khóa cửa, không có người ở và trông coi. Ngày 02/01/2020, Lê Đức H (em trai bà Thảo) nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình thức “Tài” và “Xiu” để thu tiền xấu. Đức Hòa tự ý cắt khóa mở cửa căn nhà, dọn dẹp bãi đất trống phía sau nhà để sử dụng làm địa điểm tổ chức đánh bạc. Đức Hòa chuẩn bị 15 (mười lăm) hột xí ngầu có hình lập phương, trên mỗi mặt có từ 01 đến 06 dấu chấm tròn được quy định tương đương từ 01 điểm đến 06 điểm (hột Xí ngầu), 03 (ba) chiếc đĩa bằng sành sứ, 05 (năm) cái nắp bằng nhựa dùng để đựng hột xí ngầu, 01 (một) tấm bạt có in hình số thứ tự từ số 4 đến số 17 và chữ “Tài, Xiu”. Đức Hòa thuê Nguyễn Thị Tr hàng ngày có nhiệm vụ rủ rê lôi kéo người đến tham gia đánh bạc. Trang sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao là 0948764379 liên lạc rủ rê người khác đến tham gia đánh bạc. Hòa cung cấp đồ ăn thức uống và vật dụng miễn phí cho những người tham gia đánh bạc và phân công Quan Ngọc Thiên Ho có nhiệm vụ phục vụ cung cấp thức ăn cho những người đánh bạc. Phân công Nguyễn Bảo Hi làm nhiệm vụ cảnh giới và khi có sự đồng ý của Hòa và sự giới thiệu của Trang thì Hiệp mới được mở cửa cho người vào đánh bạc. Khi có Công an và lực lượng chức năng đến kiểm tra thì báo động cho những người tại sòng bạc biết. Đức Hòa thỏa thuận trả công cho Trang và Thiên Hòa mỗi người 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/ngày, Hiệp 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng)/ngày.

Ngày 19/01/2020, Lê Đức H sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone của Hòa, có số thuê bao 0919103972 gọi cho Nguyễn Thị Tr (số thuê bao 0948764379), Nguyễn Bảo Hi (số thuê bao 0933551575) và gặp Quan Ngọc Thiên Ho để hẹn thời gian tổ chức đánh bạc. Để thực hiện việc lôi kéo con bạc đến đánh bạc, Trang sử dụng điện thoại của Trang gọi cho Lê Thị Như Tu, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim L, Trần Thanh Nh và một số người khác rủ đến đánh bạc.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Đức Hòa cùng với Trang, Thiên Hòa và Hiệp đã tổ chức cho Lê Thanh Ha, Lê Thị V, Lê Thị Như Tu, Phan Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim A, Trần Thanh Nh, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Hoa và Nguyễn Anh T và một số đối tượng (chưa rõ lại lịch) đánh bạc với cách thức:

Chiếu bạc làm bằng tấm bạt trải trên nền đất bên trên có in hình số thứ tự từ số 4 đến số 17 và chữ “Tài, Xiu”. Người làm cái sẽ cho 03 hột xí ngầu vào cái đĩa đựng nắp lại rồi lắc, sau đó đặt xuống chiếu bạc, những người chơi sẽ đặt tiền cược vào bên “Tài” hay bên “Xiu” xong, người làm cái mở nắp ra. Nếu 03 mặt phía trên của hột xí ngầu có tổng số điểm từ 11 đến 18 điểm gọi là “Tài” thì người làm cái sẽ thua cược những người đặt tiền bên “Tài” và sẽ thắng cược những người đặt tiền cược bên “Xiu”. Nếu 03 mặt phía trên của hột xí ngầu có tổng số điểm từ 03 đến 10 điểm gọi là “Xiu” thì người làm cái sẽ thắng những người đặt tiền cược bên “Tài” và thua cược bên “Xiu”. Trường hợp nếu 03 mặt phía trên của hột xí ngầu có số điểm giống nhau như 4 hay 5 hay 6 tương đương có tổng số 12 điểm hay 15 điểm hay 18 điểm thì gọi là “Bão” bên “Tài”, người làm cái sẽ thắng hết tiền cược của những người đặt tiền bên “Xiu” và thắng 50% số tiền đặt cược của những người đặt tiền bên “Tài”. Nếu 03 mặt trên của hột xí ngầu có số điểm giống nhau như 1 hay 2 hay 3 tương

đương với tổng số 3 điểm, 6 điểm hay 9 điểm thì gọi là "Bão" bên "Xiu", người làm cái sẽ thắng hết tiền của những người đặt cược bên "Tài" và thắng 50% số tiền đặt cược của những người đặt tiền bên "Xiu".

Ngoài cách đặt Tài hoặc Xiu như trên, những người đánh bạc còn có thể đặt tiền cược ở các số có in trên chiếu bạc theo thứ tự từ số 4.... đến số 17. Khi người làm cái lắc xong và mở nắp ra. Nếu 03 mặt phía trên của hột Xí ngẫu có tổng số điểm trùng với các số từ 4... đến số 17 thì người đặt cược thắng tương ứng với tỷ lệ: Vị trí số 4, 17 thì đặt 1 thắng 30 lần; số 5, 16 đặt 1 thắng 18; số 6, 15 đặt 1 thắng 14; số 7, 14 đặt 01 thắng 12; số 8, 13 đặt 01 thắng 8; số 9, 10, 11, 12 đặt 1 thắng 06. Nếu 03 mặt phía trên của hột xí ngẫu có tổng số điểm không trùng với các số 4... đến số 17 thì người làm cái thắng toàn bộ số tiền của những người đã đặt cược.

Lê Đức H quy định người làm cái phải nộp xâu cho Đức Hòa 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/75 phút làm cái và nếu có trường hợp "Bão" thì người làm cái sẽ nộp xâu cho Hòa 50% tiền thắng cược ở ván đó bỏ vào cái hộp để gần chiếu bạc.

Với cách thức đánh bạc như trên, Hải, Vân, Tuyết, Dũng, Hà, Kim Anh, Nhân, Minh, Tú, Chính, Loan, Hoài, Tuấn và một số người (chưa rõ lai lịch) đã đánh bạc với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc mỗi ván ít nhất khoảng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và cao nhất khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Cụ thể:

+ Lê Thanh Ha đem theo và sử dụng 23.000.000đồng (Hai mươi ba triệu đồng) làm cái đánh bạc. Hải thắng được 4.200.000đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Khi bị bắt quả tang, thu giữ trên người của Hải 4.200.000đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) và thu giữ dưới chiếu bạc 23.000.000đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

+ Nguyễn Đức M(Bảy) được Lê Thanh Ha rủ cùng đi đến sông bạc phụ giúp Hải kiểm soát số tiền của những người tham gia đánh bạc đặt cược với Hải, chi trả tiền thắng thua cho những người tham gia đánh bạc theo sự chỉ dẫn của Hải. Lần đặt cược nào có (Bão) thì Hải sẽ cho Minh từ 200.000đồng đến 500.000đồng. Quá trình tham gia phụ giúp Hải làm cái đánh bạc, Minh được Hải cho tổng cộng 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Khi bị bắt, thu giữ trên người của Minh 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó có 1.000.000đồng (Một triệu đồng) nêu trên và 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) là tiền cá nhân của Minh.

+ Trần Thanh Nh sử dụng 46.040.000đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc và thua hết 3.800.000đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Khi bị bắt quả tang, thu giữ trên người của Nhân 34.940.000đồng (Ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) và thu giữ dưới chiếu bạc 7.300.000đồng (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng) đang dùng đánh bạc.

+ Nguyễn Anh T sử dụng 21.600.000đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc và thắng 1.800.000đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Khi Công an vào bắt quả tang, thu giữ trên người của Tuấn 21.300.000đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) và thu giữ dưới chiếu bạc 2.100.000đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) đang dùng đánh bạc.

+ Nguyễn Ngọc Tu sử dụng 13.000.000đồng (Mười ba triệu đồng) vào việc đánh bạc và thua hết 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Khi bị bắt quả tang, thu giữ trên người của Tú 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng) dùng đánh bạc.



+ Trương Thị Ch sử dụng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) vào việc đánh bạc và thắng 2.300.000đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng). Khi bị bắt quả tang, thu giữ trên người của Chính 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) và thu giữ dưới chiếu bạc 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đang dùng đánh bạc.

+ Phan Văn D đem theo 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) trả tiền taxi và mua nước hết 210.000đồng, sử dụng 4.790.000đồng (Bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Dững đặt cược khoảng 02 ván, thua hết 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) nên không chơi nữa. Khi Công an bắt quả tang, thu giữ trên người Dững 4.590.000đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

+ Nguyễn Thị Kim A sử dụng 2.820.000đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc và bị thua 1.900.000đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng). Kim Anh đang cầm trên tay 800.000đồng và đặt cược 100.000đồng, thì bị bắt quả tang, Kim Anh để số tiền 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) xuống dưới chiếu bạc bị thu giữ và thu giữ trên người của Kim Anh 20.000đồng (hai mươi nghìn đồng).

+ Nguyễn Thị Kim L sử dụng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) vào việc đánh bạc từ 21 giờ đến 23 giờ 30 phút cùng ngày và bị thua hết nên Loan đứng xem thì bị bắt.

+ Lê Thị Như Tu sử dụng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) vào việc đánh bạc và thua 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Khi Tuyết đang đặt cược thì bị bắt quả tang. Tuyết để 1.000.000đồng (Một triệu đồng) dưới chiếu bạc và bị thu giữ.

+ Lê Thị V sử dụng 1.900.000đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Vân tham gia chơi từ 21 giờ, tham gia liên tục đến khi thua hết số tiền mang theo (không xác định được thời gian nghỉ) nên đứng xem thì bị bắt.

+ Nguyễn Thị Hoa sử dụng 1.800.000đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) đánh bạc từ 21 giờ đến khoảng 22 giờ cùng ngày và bị thua nên đứng xem thì bị bắt. Thu giữ trên người Hoài 82.000đồng (Tám mươi hai nghìn đồng).

+ Nguyễn Thị Thu H sử dụng 1.200.000đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) đánh bạc từ 21 giờ đến khi bị bắt thì thua hết số tiền mang theo.

Đến khoảng 00 giờ ngày 20/01/2020, khi Đức Hòa, Trang, Thiên Hòa và Hiệp đang tổ chức cho Hải, Minh, Nhân, Tú, Tuấn, Chính, Tuyết, Vân, Dững, Hà, Anh, Loan, Hoài và một số người (chưa rõ lai lịch) tham gia đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang, thu giữ 179.450.000đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đang dùng vào việc đánh bạc. Trong đó: Trên chiếu bạc 65.200.000đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), thu trên người của những người tham gia đánh bạc số tiền dùng đánh bạc tổng cộng là 85.050.000đồng (Tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), thu số tiền xâu để trong hộp giấy là 29.200.000đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Lê Đức H, Lê Thị Trang, Quan Ngọc Thiên Ho, Nguyễn Bảo Hi còn khai nhận từ ngày 02/01/2020 đến ngày 19/01/2020, tại địa điểm nêu trên, Đức Hòa, Trang, Thiên Hòa và Hiệp đã tổ chức cho nhiều người đến đánh bạc để thu tiền xâu tuy nhiên không xác định được số người và số tiền dùng đánh bạc. Hòa thu xâu 270.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Hòa đã trả công cho Trang 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng), Thiên Hòa 9.000.000đồng

(Chín triệu đồng), Hiệp 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và trả tiền chi phí phục vụ đồ ăn, nước uống cho những người đến tham gia đánh bạc 59.500.000đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại 180.000.000đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) Đức Hòa tiêu xài cá nhân hết 171.800.000đồng (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn đồng), còn 8.200.000đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) đến ngày 20/01/2020 thì bị bắt quả tang bị Công an thu giữ.

**Vật chứng được thu giữ gồm:**

**\* Tài sản, vật dụng có liên quan đến việc đánh bạc:**

- 01 tấm bạt trên có in số thứ tự từ 04 đến 17, có in chữ “Tài, Xỉu”; 03 chiếc đĩa; 15 hột xí ngầu; 05 nắp đậy bằng nhựa dùng để lắc xí ngầu.

- Thu giữ trên chiếu bạc 65.200.000đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) là số tiền của những người đánh bạc đang dùng vào việc đánh bạc, trong đó có của: Hải 23.000.000đồng (Hai mươi ba triệu đồng), Nhân 7.300.000đồng (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng), Tuấn 2.100.000đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), Chính 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), Kim Anh 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng), Tuyết 1.000.000đồng (Một triệu đồng), số tiền còn lại 30.600.000đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) là của những người (chưa rõ nhân thân lai lịch) đang tham gia đánh bạc đã bỏ chạy thoát.

- Số tiền 29.200.000đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền Lê Đức H vừa thu xâu.

- Thu trên người của những người đánh bạc số tiền dùng đánh bạc 85.050.000đồng (Tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và số tài sản khác là phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc gồm:

+ Lê Thanh Ha: 4.200.000đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).  
+ Nguyễn Đức Minh: 1.000.000đồng (Một triệu đồng).  
+ Trần Thanh Nh: 34.940.000đồng (Ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310, số seri1: 357715101761649, số seri2: 357715101961649.

+ Nguyễn Anh T: 21.300.000đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).  
+ Nguyễn Ngọc Tu: 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng).  
+ Trương Thị Ch: 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng).  
+ Phan Văn D: 4.590.000đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).  
+ Nguyễn Thị Kim A: 20.000đồng (Hai mươi nghìn đồng).  
+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 357693109513276, số seri2: 357693109993270 của Lê Thị Như Tu; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 358885072730288, số seri2: 358885072730296 của Nguyễn Thị Thu H; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imei1: 863880047054193, số Imei2: 863880047054185 của Nguyễn Thị Kim L, là điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc với Nguyễn Thị Tr về việc đánh bạc.

- Thu trên người những người tổ chức đánh bạc số tiền và tài sản dùng vào việc tổ chức đánh bạc:

+ Lê Đức H: 8.200.000đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền Hòa đã thu xâu của những ngày trước đó và 01 điện thoại di động Iphone, số seri DNPXCEWUKPFR, số thuê bao 0919103972, Hòa sử dụng gọi cho Trang, Thiên

Hòa, Bảo Hiệp đề tổ chức đánh bạc.

+ Nguyễn Thị Tr: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri FFMQV3CQG5MT, số Imei: 355395072159986, số thuê bao 0948764379 do Trang sử dụng để gọi rủ con bạc đến tham gia đánh bạc do Hòa tổ chức.

+ Nguyễn Bảo Hi: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri F4LNXM75G5MQ, số Imei: 356954068967528, số thuê bao 0933551575 là điện thoại Hiệp sử dụng liên lạc với Lê Đức H hẹn thời gian và địa điểm tổ chức đánh bạc.

**\* Tài sản thu trên người các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra hiện đang tạm giữ:**

+ Số tiền 7.400.000đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) của Nguyễn Bảo Hi.  
+ Số tiền 1.300.000đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri C39YQ6BHKPFW, số Imei: 356171098819971 của Quan Ngọc Thiên Ho.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số seri R58J45MTJ4T, số thuê bao 0947900946 của Lê Thanh Ha.

+ Số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số seri 356472/09/024985/6 của Nguyễn Đức Minh.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8, số Imei: 356765083968220; 01 ví đựng tiền màu đen của Trần Thanh Nh.

+ 01 điện thoại hiệu Samsung, số Imei1: 358131091574948, số Imei2: 358132091574946 của Nguyễn Anh T.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri F17WPMK1JWLM, số Imei: 354836093363058 của Nguyễn Ngọc Tu.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 357739100244138, số seri2: 357739102244136 của Trương Thị Ch.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei1: 357229090933197, số Imei2: 357229091041222 của Nguyễn Thị Kim A.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 352882109283502, số seri2: 352894100363506 của Phan Văn D.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130, số seri1: 354895089724426, số seri2: 354895089724434 của Nguyễn Thị Hoa.

Bản cáo trạng số: 278/CT-VKSBH ngày 13/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi và Quan Ngọc Thiên Ho về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh, Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Lê Thị Như Tu, Lê Thị V, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Đức M về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình

sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 phạt tiền bổ sung số tiền từ 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tr từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 phạt tiền bổ sung số tiền từ 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bảo Hi từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 phạt tiền bổ sung số tiền từ 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng).

Xử phạt: Bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 phạt tiền bổ sung số tiền từ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh Ha từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 phạt tiền bổ sung từ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Trần Thanh Nh từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 phạt tiền bổ sung từ 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị V từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 phạt tiền bổ sung số tiền từ 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Anh T từ 80.000.000đồng (tám mươi triệu

đồng) đến 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Tu từ 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) đến 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trương Thị Ch từ 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) đến 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Phan Văn D từ 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) đến 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim A từ 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) đến 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim L từ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Hoa từ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Đức M từ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Như Tu từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

**- Tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 bộ dụng cụ xóc tài xỉu gồm 01 tấm bạt trên có in số thứ tự từ 04 đến 17, có in chữ “Tài, Xỉu”; 03 đĩa; 15 hột xí ngầu; 05 nắp đậy dùng để lắc xí ngầu.

+ 01 hộp nhựa màu đen có nắp đậy màu vàng dùng để đựng tiền xấu.

**- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

+ Số tiền 187.650.000đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi bất chính.

Cụ thể: Bị cáo Lê Đức H: 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo Lê Thanh Ha: 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng); bị cáo Phan Văn D: 4.590.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Đức Minh: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); bị cáo Nguyễn Ngọc Tu: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); bị cáo Trương Thị Ch: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); bị cáo Trần Thanh Nh: 34.940.000 đồng (Ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Thị Kim A: 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Anh T: 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng); tiền đánh bạc thu dưới chiếu bạc: 65.200.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); tiền xấu: 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Lê Đức H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri DNPXCEWUKPFR.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Tr: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri FFMQV3CQG5MT, số Imei: 355395072159986.



+ Bị cáo Trần Thanh Nh: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310, số seri: 357715101761649, số seri2: 357715101961649.

+ Bị cáo Nguyễn Bảo Hi: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri F4LNXM75G5MQ, số Imei: 356954068967528.

+ Bị cáo Lê Thị Như Tu: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 357693109513276, số seri2: 357693109993270.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Kim L: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số Imei1: 863880047054193, số Imei2: 863880047054185.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Thu H: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri: 358885072730288, số seri2: 358885072730296.

- Tạm giữ số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Bảo Hi để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Mạnh để đảm bảo thi hành án.

**- Trả lại cho các bị cáo tài sản không liên quan đến việc phạm tội gồm:**

+ Bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri C39YQ6BHKPFW, số Imei: 356171098819971.

+ Bị cáo Lê Thanh Ha: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số seri R58J45MTJ4T.

+ Bị cáo Nguyễn Anh T: 01 điện thoại hiệu Samsung, số Imei1: 358131091574948, số Imei2: 358132091574946.

+ Bị cáo Phan Văn D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 352882109283502, số seri2: 352894100363506.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Kim A: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei1: 357229090933197, số Imei2: 357229091041222.

+ Bị cáo Nguyễn Đức Minh: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 356472090249856/01, số Imei2: 356473090249854/01.

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc Tu: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri F17WPMK1JWLM, số Imei: 354836093363058.

+ Bị cáo Trương Thị Ch: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số seri1: 357739100244138, số seri2: 357739102244136.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Hoa: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130, số seri1: 354895089724426, số seri2: 354895089724434.

+ Bị cáo Trần Thanh Nh: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8, số Imei: 356765083968220; 01 ví đựng tiền màu đen.

- Buộc các bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính 261.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

+ Buộc bị cáo Lê Đức H nộp số tiền thu lợi bất chính 171.800.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) là do bị cáo Lê Đức H thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc trái phép mà có, bị cáo Lê Đức H đã tự mua đồ ăn, nước uống

phục vụ cho những người đến tham gia đánh bạc. Nên buộc bị cáo Lê Đức H nộp tổng số tiền thu lợi bất chính 231.300.000đồng (Hai trăm ba mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tr nộp số tiền thu lợi bất chính 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho nộp số tiền thu lợi bất chính 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bảo Hi nộp số tiền thu lợi bất chính 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 21 giờ ngày 19/01/2020 đến 00 giờ ngày 20/01/2020, tại khu vực phía sau nhà số 158/48/94, thuộc khu phố 3, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi và Quan Ngọc Thiên Ho đã tổ chức cho các bị cáo Lê Thanh Ha, Lê Thị V, Lê Thị Như Tu, Phan Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim A, Trần Thanh Nh, Nguyễn Đức Minh, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Anh T và một số đối tượng (không rõ lai lịch) tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức “Tài – Xỉu” với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 179.450.000đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi và Quan Ngọc Thiên Ho là người tổ chức đánh bạc và đã thu tiền xâu được 29.200.000đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh, Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Lê Thị Như Tu, Lê Thị V, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Đức M là người thực hiện hành vi đánh bạc.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân làm phát

sinh các tệ nạn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải có một mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo Đức Hòa, Trang, Hiệp, Thiên Hòa, Hải, Nhân, Tuấn, Tú, Chính, Dũng, Kim Anh, Loan, Tuyết, Vân, Hoài, Hà và Minh thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đức Hòa là lao động chính trong gia đình khản (đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố B ngày 16/3/2020); bị cáo Hoài có con nhỏ sinh năm 2019, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Long Thành ngày 28/3/2020); bị cáo Nguyễn Bảo Hi là quân nhân xuất ngũ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Đức Hòa, Thiên Hòa, Nhân, Tuấn, Tú, Chính, Dũng, Kim Anh, Loan, Hà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét việc cách ly các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức Mra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức M cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi, Quan Ngọc Thiên Ho, Lê Thị V đã bị tạm giam một thời gian cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh có nơi cư trú rõ ràng trong thời gian được tại ngoại chấp hành nghiêm quy định pháp luật tại địa phương nơi cư trú. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi, Quan Ngọc Thiên Ho, Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh, Lê Thị V được hưởng án treo cũng đủ có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- **Tịch thu sung ngân sách nhà nước:**

+ Số tiền 187.650.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và thu lợi bất chính.

Cụ thể: Bị cáo Lê Đức H: 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo Lê Thanh Ha: 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng); bị cáo Phan Văn D: 4.590.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Đức Minh: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); bị cáo Nguyễn Ngọc Tu: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); bị cáo Trương Thị Ch: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); bị cáo Trần Thanh Nh: 34.940.000 đồng (Ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

đồng); bị cáo Nguyễn Thị Kim A: 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Anh T: 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng); tiền đánh bạc thu dưới chiếu bạc: 65.200.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); tiền xâu: 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

(Theo ủy nhiệm chỉ chuyển khoản ngày 22/6/2020 do Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai chuyển Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước Đồng Nai).

+ Bị cáo Lê Đức H: 01 điện thoại hiệu Iphone màu vàng, số seri DNPXCEWUKPFR.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Tr: 01 điện thoại hiệu Iphone màu đỏ, số seri FFMQV3CQG5MT.

+ Bị cáo Trần Thanh Nh: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310, số seri1: 357715101761649, số seri2: 357715101961649.

+ Bị cáo Nguyễn Bảo Hi: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, số seri F4LNXM75G5MQ, số Imei: 356954068967528.

+ Bị cáo Lê Thị Như Tu: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri1: 357693109513276, số seri2: 357693109993270.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Kim L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số Imei1: 863880047054193, số Imei2: 863880047054185.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Thu H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri1: 358885072730288, số seri2: 358885072730296.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

**- Trả lại cho các bị cáo tài sản không liên quan đến việc phạm tội gồm:**

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đen, số seri C39YQ6BHKPFW, số Imei: 356171098819971 của bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho.

+ 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số seri R58J45MTJ4T của bị cáo Lê Thanh Ha.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei1: 358131091574948, số Imei2: 358132091574946 của bị cáo Nguyễn Anh T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri1: 352882109283502, số seri2: 352894100363506 của bị cáo Phan Văn D.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei1: 357229090933197, số Imei2: 357229091041222 của bị cáo Nguyễn Thị Kim A.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei 356472090249856/01, số Imei2: 356473090249854/01 của bị cáo Nguyễn Đức Minh.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri F17WPMK1JWLM, số Imei: 354836093363058 của bị cáo Nguyễn Ngọc Tu.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri1: 357739100244138, số seri2: 357739102244136 của bị cáo Trương Thị Ch.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, số seri1: 354895089724426, số seri2: 354895089724434 của bị cáo Nguyễn Thị Hoa.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8, số Imei: 356765083968220; 01 ví đựng tiền màu đen của bị cáo Trần Thanh Nh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Tạm giữ số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Bảo Hi để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Mạnh để đảm bảo thi hành án.

(Theo ủy nhiệm chỉ chuyển khoản ngày 22/6/2020 do Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai chuyển Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước Đồng Nai).

**- Tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 bộ dụng cụ xóc tài xỉu gồm 01 tấm bạt trên có in số thứ tự từ 04 đến 17, có in chữ “Tài, Xỉu”; 03 đĩa; 15 hột xí ngầu; 05 nắp đậy dùng để lắc xí ngầu.

+ 01 hộp nhựa màu đen có nắp đậy màu vàng dùng để đựng tiền xâu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Buộc các bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính 261.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

+ Buộc bị cáo Lê Đức H nộp số tiền thu lợi bất chính 171.800.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) là do bị cáo Lê Đức H thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc trái phép mà có, bị cáo Lê Đức H đã tự mua đồ ăn, nước uống phục vụ cho những người đến tham gia đánh bạc. Nên buộc bị cáo Lê Đức H nộp tổng số tiền thu lợi bất chính 231.300.000 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tr nộp số tiền thu lợi bất chính 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho nộp số tiền thu lợi bất 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bảo Hi nộp số tiền thu lợi bất chính 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Đối với hành vi bị cáo Lê Thị Như Tu cùng đồng phạm có hành vi “Đánh bạc”. Ngày 19/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử tại bản án số: 83/2020/HS-ST, xử phạt bị cáo Lê Thị Như Tu 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, do bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi, Quan Ngọc Thiên Ho, Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh, Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Lê



Thị Như Tu, Lê Thị V, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức Mmỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi, Quan Ngọc Thiên Ho về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh, Nguyễn Anh T, Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Lê Thị Như Tu, Lê Thị V, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức M về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Lê Đức H cho Ủy ban nhân dân phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt tiền bổ sung số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Đức H, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tr 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành

hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Tr cho Ủy ban nhân dân phường Trung Dũng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt tiền bổ sung số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị Tr, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bảo Hi 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Bảo Hi cho Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 phạt tiền bổ sung số tiền 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Bảo Hi, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho cho Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp

người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt tiền bổ sung số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh Ha 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Lê Thanh Ha cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt tiền bổ sung 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh Nh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Trần Thanh Nh cho Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017: Phạt tiền bổ sung 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án ngày 01/7/2020 và thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Giao bị cáo Lê Thị V cho Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt tiền bổ sung số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Thị V, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Anh T 90.000.000đồng (chín mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Tu 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trương Thị Ch 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Phan Văn D 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim A 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim L 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Hoa 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu H 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Đức M 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58

của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Như Tu 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

**- Tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 bộ dụng cụ xóc tài xỉu gồm: 01 tấm bạt trên có in số thứ tự từ 04 đến 17, có in chữ “Tài, Xỉu”; 03 đĩa; 15 hột xí ngầu; 05 nắp đậy dùng để lắc xí ngầu.

+ 01 hộp nhựa màu đen có nắp đậy màu vàng dùng để đựng tiền xâu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

**- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:**

+ Số tiền 187.650.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi bất chính.

Cụ thể: Bị cáo Lê Đức H: 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo Lê Thanh Ha: 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng); bị cáo Phan Văn D: 4.590.000 đồng (Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Đức Minh: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); bị cáo Nguyễn Ngọc Tu: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); bị cáo Trương Thị Ch: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); bị cáo Trần Thanh Nh: 34.940.000 đồng (Ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Thị Kim A: 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Anh T: 21.300.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng); tiền đánh bạc thu dưới chiếu bạc: 65.200.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng); tiền xâu: 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

(Theo ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 22/6/2020 do Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai chuyển Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước Đồng Nai).

+ 01 điện thoại di động hiệu iPhone màu vàng, số seri DNPXCEWUKPFR của bị cáo Lê Đức H.

+ 01 điện thoại di động hiệu iPhone màu đỏ, số seri FFMQV3CQG5MT của bị cáo Nguyễn Thị Tr.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3310, số seri1: 357715101761649, số seri2: 357715101961649 của bị cáo Trần Thanh Nh.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone, số seri F4LNXM75G5MQ, số Imei: 356954068967528 của bị cáo Nguyễn Bảo Hi.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri1: 357693109513276, số seri2: 357693109993270 bị cáo Lê Thị Như Tu.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, số Imei1: 863880047054193, số Imei2: 863880047054185 của bị cáo Nguyễn Thị Kim L.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri1: 358885072730288, số seri2: 358885072730296 của bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

**- Trả lại cho các bị cáo tài sản không liên quan đến việc phạm tội gồm:**

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu vàng đen, số seri



C39YQ6BHKPFW, số Imei: 356171098819971 của bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho.

+ 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số seri R58J45MTJ4T của bị cáo Lê Thanh Ha.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei1: 358131091574948, số Imei2: 358132091574946 của bị cáo Nguyễn Anh T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số seri1: 352882109283502, số seri2: 352894100363506 của bị cáo Phan Văn D.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei1: 357229090933197, số Imei2: 357229091041222 của bị cáo Nguyễn Thị Kim A.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, số Imei 356472090249856/01, số Imei2: 356473090249854/01 của bị cáo Nguyễn Đức Minh.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số seri F17WPMK1JWLM, số Imei: 354836093363058 của bị cáo Nguyễn Ngọc Tu.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri1: 357739100244138, số seri2: 357739102244136 của bị cáo Trương Thị Ch.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, số seri1: 354895089724426, số seri2: 354895089724434 của bị cáo Nguyễn Thị Hoa.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8, số Imei: 356765083968220; 01 ví đựng tiền màu đen của bị cáo Trần Thanh Nh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Tạm giữ số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Bảo Hi để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Mạnh để đảm bảo thi hành án.

(Theo ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 22/6/2020 do Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai chuyển Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại Kho bạc Nhà nước Đồng Nai).

- Buộc các bị cáo giao nộp số tiền thu lợi bất chính 261.800.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

+ Buộc bị cáo Lê Đức H nộp số tiền thu lợi bất chính 231.300.000 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tr nộp số tiền thu lợi bất chính 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Quan Ngọc Thiên Ho nộp số tiền thu lợi bất chính 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Bảo Hi nộp số tiền thu lợi bất chính 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Đức H, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Bảo Hi, Quan Ngọc Thiên Ho, Lê Thanh Ha, Trần Thanh Nh, Nguyễn Anh T,

Nguyễn Ngọc Tu, Trương Thị Ch, Phan Văn D, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim L, Lê Thị Như Tu, Lê Thị V, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang Mi được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND TP. B (2);
- CA TP. B (2);
- THA HS (7);
- Bị cáo (17);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2) ;
- Lưu hồ sơ, VP (5);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Kim Dung**

